

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C R
THÀNH PHỐ C T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTMST

Ngày: 21/07/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Thanh Trí**.

Ông **Lư Thành Danh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trần Thị Hạnh Nhung* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Võ Thị Nhu* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/07/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2022/QĐST-DS ngày 06/07/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A B**. (Viết tắt là Ngân hàng)

Đại diện theo pháp luật: Ông **Đào M K**. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: 170 Hai Bà Trưng, phường Đ K, Quận 1, thành phố H C M.

Địa chỉ hiện nay: Số 18 Phan Đình Giót, phường 2, quận T B, thành phố H C M

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn M Q**. (Theo văn bản ủy quyền số 28/UQ-HĐQT ngày 04/05/2018)

Ông **Nguyễn M Q** ủy quyền lại cho ông **Trần T N**.

Địa chỉ: 468 đường 30/4, phường H L, quận N K, thành phố C T.

* Bị đơn: **Công ty CP TK K L**. (Viết tắt Công ty Khai Long)

Đại diện theo quy định của pháp luật: Ông **Hứa H H**. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Địa chỉ: 62 đường D25, khu dân cư Lô số 6, phường H T, quận C R, thành phố C T.

Địa chỉ hiện nay: Số 55 Nguyễn Thị Sáu, khu dân cư 586, phường P T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 09/10/2019, nguyên đơn có ký hợp đồng cho vay từng lần với Công ty CP TK K L số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Mục đích vay: Đầu tư mua xe SUZUKI CELERIO 1.0 CVT, xuất xứ và nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái Lan, màu trắng, năm sản xuất 2019, sử dụng cho nhu cầu đi lại và hình thành nên tài sản cố định của doanh nghiệp; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 10/10/2019; Lãi suất vay: 10.6%/năm, được quy định trong Giấy nhận nợ; tần suất thay đổi 3 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn: 10%/năm.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cho vay từng lần số 0296/19/TD/III ngày 09/10/2019, Công ty K L đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 0296/19/TC/III như sau: Loại tài sản bảo đảm Xe SUZUKI CELERIO 1.0 CVT, nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái Lan. Năm sản xuất 2019. Số khung MMSFE 42S5LR101255. Số máy K10BS 1116733. Biển số đăng ký: 65A-213.04. Màu sơn: Trắng.

Hợp đồng thế chấp tài sản và tài sản thế chấp nêu trên đã đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 09/10/2019. Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần số 0296/19/TD/III ngày 09/10/2019, Công ty K L tiến hành rút vốn tại ngân hàng theo Giấy nhận nợ số 0296/19/TD/III.01 ngày 10/10/2019 với số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng); lãi suất 10.6%/năm; Lãi suất trên sẽ thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của ngân hàng hoặc ngay khi ngân hàng thông báo thay đổi lãi suất; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến hết ngày 19/03/2021, Công ty K L phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 228.187.055 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 222.323.985 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng); Nợ lãi tính đến ngày 19/03/2021 là: 5.863.070 đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty K L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Đối với số nợ nêu trên ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn nhưng công ty K L vẫn không thực hiện.

Nay do quyền lợi bị ảnh hưởng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty CP TK K L thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 19/03/2021 là: 228.187.055 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng) trong đó: Nợ gốc: 222.323.985 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng). Nợ lãi tính đến ngày 19/03/2021 là: 5.863.070 đồng (Năm triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi đồng), gồm: Lãi trong hạn: 5.388.049 đồng (Năm triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng) và lãi quá hạn 475.021 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi một đồng).

Buộc Công ty CP TK K L phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 20/03/2021 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần và Giấy nhận nợ đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trong trường hợp Công ty CP TK K L không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo.

Đối với bị đơn Công ty CP TK K L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt bị đơn.

Do phía bị đơn vắng mặt nên không thể tiến hành thủ tục hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện uỷ quyền cho nguyên đơn trình bày như sau:

Thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty CP TK K L thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 21/07/2022 là: 253.823.718 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm mười tám đồng) trong đó: Nợ gốc 212.489.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) và nợ lãi là 41.334.718 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm mười tám đồng).

Buộc Công ty CP TK K L phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 22/07/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần và Giấy nhận nợ đã ký kết với ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp Công ty CP TK K L không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp mà công ty K L đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đề nghị như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu và lãi suất mà các bên đã ký kết theo hợp đồng cho vay từng lần, trong trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp... Do bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên nguyên đơn nhận thấy quyền lợi và lợi ích bị ảnh hưởng nên khởi kiện. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và các bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Mặc khác, bị đơn Công ty CP TK K L có địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T theo quy định tại khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như phiên tòa. Tòa án đã làm thủ tục tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có cơ sở.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 212.489.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) và nợ lãi là 41.334.718 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm mười tám đồng) tạm tính đến ngày 21/07/2022. Đồng thời, yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất theo hợp đồng cho vay từng lần mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn

thanh toán dứt nợ, trong trường hợp bị đơn không có khả năng thanh toán nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Cơ sở để nguyên đơn khởi kiện là hợp đồng cho vay từng lần số 0296/19/TD/III ngày 09/10/2019, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn ngày 30/03/2021, thông báo nhắc nợ ngày 20/02/2021, thông báo nhắc nợ ngày 18/03/2021 và hợp đồng thế chấp tài sản số 0296/19/TC/III ngày 09/10/2019, giấy nhận nợ ngày 10/10/2019 có chữ ký của bị đơn. Sau khi ký hợp đồng cho vay từng lần, hợp đồng thế chấp ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) cho công ty K L theo hợp đồng cho vay từng lần mà các bên đã ký kết.

Nhận thấy, hình thức, nội dung, sự thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng cho vay từng lần về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, thời điểm trả nợ, phương thức trả nợ.... phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, khi ký kết hợp đồng cấp tín dụng người tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng theo quy định của Luật công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là phù hợp với quy định tại Điều 298, Điều 299, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, hợp đồng cho vay từng lần và hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết là hợp pháp và phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Trong quá trình thực hiện, ngân hàng đã làm đúng theo thỏa thuận hợp đồng, Công ty K L đã vi phạm thời hạn thanh toán, nghĩa vụ trả nợ khoản đã vay nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của hợp đồng cho vay từng lần sang nợ quá hạn và yêu cầu xử lý nợ là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng cho vay từng lần và Luật tổ chức tín dụng nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc. Nguyên đơn cũng thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay từng lần cho đến giai đoạn xét xử thì bị đơn đã trả một phần nợ nay chỉ còn lại số tiền nợ gốc 212.489.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) nên cần tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho nguyên đơn.

Về phần lãi suất, ngân hàng yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho vay từng lần và lãi phát sinh từ ngày 22/07/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo hợp đồng cho vay từng lần các bên đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất này các đương sự đã thỏa thuận theo nội dung hợp đồng cho vay từng lần và mức lãi này phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 94 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên chấp nhận. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày

11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay từng lần cho đến khi thi hành án.

Về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe Suzuki mà bị đơn đã ký bảo lãnh khoản vay theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng thế chấp giữa các đương sự ký kết có quy định về phạm vi bảo đảm, nghĩa vụ được bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp, xử lý tài sản thế chấp,... Đối với phần tài sản là 01 Xe SUZUKI CELERIO 1.0 CVT, nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái Lan. Năm sản xuất 2019. Số khung MMSFE 42S5LR101255. Số máy K10BS 1116733. Biển số đăng ký: 65A-213.04. Màu sơn: Trắng thuộc quyền sở hữu của bị đơn để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho bên thế chấp là ngân hàng theo đúng điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng cho vay từng lần giữa các bên ký kết... như vậy tài sản bảo đảm tại hợp đồng thế chấp được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của bị đơn đối với ngân hàng. Phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp mà bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 235; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 117, Điều 119, Điều 298, Điều 299, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị Công ty CP TK K L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A B số tiền tổng cộng 253.823.718 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm mười tám đồng). Trong đó, 212.489.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi 41.334.718 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, bảy trăm mười tám đồng) tạm tính đến ngày 21/07/2022 theo hợp đồng cho vay từng lần số 0296/19/TD/III ngày 09/10/2019 mà nguyên đơn và bị đơn đã ký.

Ngân hàng TMCP A B có quyền tính lãi tiếp tục theo hợp đồng cho vay từng lần nói trên giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký từ ngày 22/07/2022 cho đến khi phía bị đơn thanh toán dứt nợ.

Bị đơn Công ty CP TK K L không có khả năng thanh toán trong thời gian tự nguyện thi hành án thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP A B có quyền đề nghị phát mãi tài sản mà bị đơn đã thế chấp là 01 Xe nhãn hiệu SUZUKI; Loại xe: Ô tô con; Màu sơn: Trắng; Tải trọng: Hàng hóa; Số máy K10BS1116733; Số khung 42S5LR101255; Biển số đăng ký: 65A-213.04. Đăng ký lần đầu vào ngày 08/10/2019 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố C T cấp cho Công ty CP TK K L vào ngày 08/10/2019 theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0296/19/TC/III ngày 09/10/2019 mà nguyên đơn và bị đơn đã ký để thu hồi nợ.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận với số tiền 12.691.000 đồng (Mười hai triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền 5.705.000 đồng (Năm triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008075 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:

- + VKSND quận C R;
- + Chi Cục THADS quận C R;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ HỒNG GÁM